

Số: /BC- THCSAD

Hưng Đạo, ngày 12 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**SƠ KẾT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026**

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 3849/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025 - 2026 của ngành Giáo dục thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 5776/SGDĐT-GDTrH ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng ban hành Lịch chỉ đạo thực hiện chương trình Giáo dục Trung học năm học 2025- 2026; Công văn số 5775/SGDĐT-TrH ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2025- 2026;

Thực hiện Công văn số 64/SGDĐT-GDTrH ngày 07/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng hướng dẫn báo cáo sơ kết Giáo dục trung học năm học 2025-2026;

Trường THCS Anh Dũng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục học kỳ I năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

**I. QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP**

**1.1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh, giáo viên**

- Tổng số lớp, số học sinh: 16 (lớp), với tổng số 701 (học sinh)- tăng 21 HS so với năm học trước;

Trong đó: Khối 6: 3 (lớp), 152 (HS); Khối 7: 4 (lớp), 175 (HS); Khối 8: 5 (lớp), 200 (HS); Khối 9: 4 (lớp), 174 (HS).

**1.2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục**

**1.2.1. Đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục** (nêu rõ số lượng thừa, thiếu GV, chất lượng đội ngũ, trình độ và số lượng tập huấn).

Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên là: 34 đ/c (tăng 02 GV so với năm học trước).

Trong đó:

- CBQL: 02 đ/c (đạt chuẩn 01 đ/c, đạt tỉ lệ 50%, trên chuẩn 01 đ/c, đạt tỉ lệ 50%);

- Giáo viên giảng dạy: 29 đ/c (bao gồm cả GV tổng phụ trách);
- Nhân viên: 03 đ/c (Văn thư: 01, Kế toán: 01, Thủ quỹ: 01);
- Trình độ đào tạo: Đạt chuẩn: 34/34 (CBQL, GV), đạt tỉ lệ 100%; trên chuẩn: 04 (CBQL, GV), đạt tỉ lệ 11,7%;
- Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,75.
- Hiện nay nhà trường còn thiếu 01 giáo viên môn Tin học (HĐ).

### ***1.2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục***

Cơ sở vật chất của nhà trường mới được đầu tư xây dựng khang trang đầy đủ, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động giáo dục và bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

- Tổng số phòng học: 16 phòng
- Tổng số phòng bộ môn: 06 phòng: 02 phòng KHTN; 01 phòng Công nghệ, 01 Tin học, 01 phòng Nghệ thuật, 01 phòng học thông minh.

## **1.3. Kết quả thực hiện PCGD THCS**

### ***1.3.1. Về quản lý, chỉ đạo thực hiện***

#### ***1.3.1. Về quản lý, chỉ đạo thực hiện***

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở; tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo quy định, bảo đảm chính xác, chất lượng, hiệu quả.

- Tích cực tham mưu với lãnh đạo địa phương, tập trung mọi nguồn lực với các giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục; tích cực huy động các đối tượng diện phổ cập giáo dục THCS ra lớp; nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học (nếu có) và có giải pháp khắc phục tình trạng này; vận động nhiều lực lượng tham gia nhằm duy trì sĩ số học sinh; củng cố, duy trì và nâng cao tỉ lệ, chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS.

- Sử dụng thường xuyên, hiệu quả hệ thống thông tin điện tử để quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và thường xuyên cập nhật, kiểm tra tính xác thực của các số liệu trên hệ thống; có giải pháp phù hợp để khắc phục khó khăn, vướng mắc khi sử dụng hệ thống và bảo đảm tính pháp lý của số liệu.

#### ***1.3.2. Công tác kiểm tra, công nhận, quản lý phổ cập***

- Huy động 100% học sinh đã hoàn thành tiểu học trên địa bàn vào lớp 6; làm tốt công tác tuyên truyền để tuyển sinh HS hoàn thành chương trình Tiểu học trên địa bàn.

- Được công nhận PCGD THCS mức độ 3, đạt PCGD THPT và nghề, không có học sinh bỏ học.

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

### 2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- 100% GV xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo yêu cầu công văn 4612/BDGDĐT- GDTrH và công văn 5512/BGDĐT-GDTrH. Kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

+ Đảm bảo tính pháp lí.

- Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày:

+ Buổi 1: thực hiện dạy học chương trình chính khóa theo chương trình GDPT 2018;

+ Buổi 2:

Khối 678: dạy học bổ trợ Kỹ năng sống (01 tiết/tuần), Tiếng Anh với người nước ngoài (01 tiết/tuần).

Khối 9: ôn thi cuối cấp, bồi dưỡng HSG.

+ Số tiết của các hoạt động giáo dục trong tuần (của từng khối) thuộc 2 buổi/ngày.

Khối 6: 32 tiết/tuần.

Khối 7: 32 tiết/tuần.

Khối 8: 32 tiết/tuần.

Khối 9: 34 tiết/tuần.

- Việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm tính thực tiễn, linh hoạt, khả thi, phù hợp với điều kiện đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

- **Xây dựng các chủ đề dạy học:**

+ **Chủ đề giáo dục STEM: 04 chủ đề**

+ **Các chuyên đề cấp trường, cấp cụm, cấp thành phố: Cấp trường: 10 CĐ, cấp cụm: 02 CĐ.**

\* **Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.**

- **Một số đ/c GV còn chưa nghiên cứu kỹ các văn bản chỉ đạo.**

### 2.2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học

- Kết quả triển khai đổi mới phương pháp và hình thức dạy học:

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề; thực hiện hiệu quả việc lựa chọn linh hoạt, phù hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên cơ sở đặc điểm nội dung bài

học, yêu cầu cần đạt của chương trình và đối tượng học sinh; phát huy vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh chủ động, tích cực, tự giác và phát triển năng lực tự học trong suốt quá trình học tập. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh. Đẩy mạnh hoạt động trải nghiệm thực tế.

\* Kết quả thực hiện giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong nhà trường.

- Công tác lập kế hoạch

+ Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường bám sát chương trình GDPT 2018.

+ Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bài dạy có tích hợp STEM và các chủ đề HĐTN-HN theo từng khối lớp.

- Triển khai thực hiện

+ STEM: Tổ chức thành công các tiết học STEM tại lớp và Ngày hội STEM cấp trường. Học sinh tham gia chế tạo sản phẩm từ vật liệu tái chế, ứng dụng kiến thức liên môn.

+ HĐTN-HN: Triển khai đầy đủ 4 loại hình (Chào cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và CLB). Tổ chức các buổi trải nghiệm hướng nghiệp, tư vấn nghề nghiệp cho khối 9.

- Kiểm tra, đánh giá

+ Đánh giá thường xuyên qua sản phẩm, dự án học tập và báo cáo thu hoạch của học sinh.

+ Sử dụng đa dạng hình thức: đánh giá của giáo viên, học sinh tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

\* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

- Khó khăn, hạn chế

+ Nội dung STEM một số môn còn gượng ép, chưa mang tính ứng dụng cao.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm và chế tạo sản phẩm còn chưa đáp ứng với giáo dục hiện tại.

+ Việc tổ chức HĐTN ngoài nhà trường gặp khó khăn về kinh phí và đảm bảo an toàn.

- Nguyên nhân

+ Chủ quan: Một số giáo viên còn lúng túng trong việc thiết kế bài giảng theo mô hình 5E hoặc quy trình thiết kế kỹ thuật.

+ Khách quan: Thời lượng chương trình còn nặng, áp lực thi cử khiến quỹ thời gian dành cho các hoạt động sáng tạo bị hạn chế.

### **2.3. Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh**

Thực hiện đánh giá học sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, trong đó chú trọng đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức kiểm

tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đảm bảo đánh giá vì sự tiến bộ của người học, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của học sinh. Khuyến khích giáo viên tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh.

- Xây dựng bộ đề kiểm tra trong nhà trường.

- Tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- 100% các bài kiểm tra sử dụng ma trận và đặc tả đề kiểm tra, kết hợp câu hỏi tự luận và trắc nghiệm phù hợp nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- Thực hiện kiểm tra đề chung, cùng thời điểm đối với HS trong cùng khối.

- Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra. Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động nhóm, dự án học tập, thuyết trình, hồ sơ học tập...ít nhất 1 lần/HK.

- Khuyến khích thực hiện kiểm tra trực tuyến đối với một số môn thi trắc nghiệm, sử dụng hình thức kiểm tra trực tuyến để KTTX học sinh.

\* Kết quả 2 mặt giáo dục HKI- năm học 2025-2026:

- Kết quả rèn luyện: Tốt: 684/701 - 97,57% (tăng 0,23%); Khá: 17/701 -2.43% (giảm 0,22%); Đạt: 0%; Chưa đạt: 0%

- Kết quả học tập: Tốt: 257/701= 36,66% (giảm 9,21%); Khá: 323/701= 46,08% (tăng 6,26%); Đạt: 120/701= 17,12% (tăng 2,81%); Chưa đạt: 1/701= 0,14% (tăng 0,14%).

\* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

- Khó khăn, hạn chế:

Chất lượng học sinh không đồng đều: Vẫn còn khoảng cách lớn giữa nhóm học sinh Tốt và học sinh Đạt, Chưa đạt. Tỷ lệ học sinh đạt mức "Chưa đạt" ở các môn Khoa học tự nhiên thường cao hơn các môn khác.

Kỹ năng vận dụng thực tế của học sinh chưa tốt: Học sinh nắm lý thuyết tốt nhưng khi gặp các bài toán thực tế hoặc câu hỏi mở lại lúng túng.

- Nguyên nhân:

- + Chủ quan từ học sinh:

Mất kiến thức căn bản từ các lớp dưới nên lười học, chán học.

Phương pháp học tập chưa khoa học.

- + Khách quan từ nhà trường và giáo viên:

Phương pháp giảng dạy: Một số giáo viên chậm đổi mới, chưa cuốn hút được học sinh tham gia vào bài học

**Độ lệch trong đánh giá: Điểm kiểm tra thường xuyên (tại lớp) rất cao nhưng điểm kiểm tra tập trung theo đề chung lại thấp. Điều này phản ánh sự thiếu đồng bộ trong tiêu chuẩn đánh giá của một số giáo viên.**

**Thách thức từ môn tích hợp: Việc xếp thời khóa biểu và phân công giáo viên dạy các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử & Địa lý cực kỳ phức tạp. Việc một môn học có 2-3 giáo viên cùng dạy dẫn đến khó khăn trong kiểm soát tiến độ và thống nhất đầu điểm.**

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh

- Kết quả thực hiện.

+ Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhu cầu, năng lực của học sinh và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường. Thực hiện chương trình giáo dục hướng nghiệp theo quy định. 100% HS lớp 9 được tư vấn hướng nghiệp; lựa chọn các tổ hợp môn khi vào lớp 10 THPT, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân.

+ Chủ động tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục theo CTGDPT; khuyến khích học sinh tìm hiểu, khám phá ngành nghề thông qua mô hình giáo dục STEM/STEAM, câu lạc bộ, diễn đàn tư vấn hướng nghiệp tại trường học.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

+ GV làm công tác hướng nghiệp chủ yếu là kiêm nhiệm.

+ Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm nghề nghiệp gắn với thực tiễn còn hạn chế do khó khăn về kinh phí;

2.5. Việc triển khai chuyển đổi số trong nhà trường

\* Việc xây dựng phòng học thông minh, thư viện số, phòng học STEM, trang bị các thiết bị dạy học số trong nhà trường.

- Khai thác có hiệu quả phòng học thông minh. **Số tiết dạy trên phòng học thông minh: 34 tiết.**

- 100% CB, GV, NV ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; khai thác, sử dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo AI trong công việc.

- Sử dụng phần mềm thư viện điện tử trong nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; bảo đảm hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu của công dân số, đáp ứng yêu cầu nhân lực trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

\* Việc xây dựng kho học liệu số của đơn vị; số lượng bài giảng điện tử đã xây dựng.

- GV tham gia phát triển kho học liệu số, học liệu mở, đưa bài giảng điện tử dùng chung lên hệ thống quản lý hồ sơ chuyên môn.

**Số bài giảng điện tử đã xây dựng: 93 bài.**

\* Việc triển khai thực hiện quản lý hồ sơ chuyên môn điện tử.

- 100% GV đã thực hiện đưa bài giảng lên phần mềm quản lý hồ sơ chuyên môn. Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh tự động hóa công tác hành chính, sổ sách điện tử, thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giảm tải cho cán bộ, giáo viên.

- Thực hiện các nhiệm vụ về Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT8 và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

- Khai thác triệt để phần mềm eNetViet hỗ trợ quản lý, điều hành các hoạt động giáo dục với các tính năng: điểm danh thông minh, giao bài tập, nhận xét HS, thu phí không dùng tiền mặt...

\* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

- Một số GV chưa tích cực, chủ động trong công tác CDS.

- Thư viện điện tử hoạt động chưa hiệu quả.

2.6. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm, dạy học liên kết trong nhà trường.

\* Về tình hình học thêm:

- Số lượng học sinh học thêm: 219 HS.

- Số giáo viên tham gia dạy thêm trong nhà trường: 15 GV.

- Số giáo viên tham gia dạy thêm ngoài nhà trường: 13 GV.

- Tình hình tổ chức học thêm: thực hiện đúng theo quy định của Thông tư 29.

\* Các nội dung tổ chức dạy học liên kết trong nhà trường:

- Các môn liên kết: Kỹ năng sống, Tiếng Anh với người nước ngoài.

- Đánh giá hiệu quả, tình hình thực hiện của Văn bản số 6482/SGDĐT-GDTrH ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Sở GDĐT: thực hiện nghiêm túc theo đúng Công văn.

2.7. Kết quả các kỳ thi

\* Việc triển khai và tham gia các kỳ thi.

- Tham gia đầy đủ các kỳ thi do phường, Sở GD tổ chức:

+ Cuộc thi HSG cấp phường:

**Tổng số giải: 27 giải. Trong đó: 05 Nhất; 04 Nhì; 07 Ba; 11 KK.**

+ Cuộc thi KHKT cấp TP: 01 giải Tư.

+ Cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai: 01 bài của GV, 01 bài của HS.

+ Tham gia Vòng chung kết Olympic Stem do trường ĐHSP Hà Nội tổ chức.

\* Kết quả học sinh tham gia các kỳ thi theo chuẩn quốc tế để đạt chuẩn đầu ra theo quy định: IELST, TOEFL, các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh, tin học quốc tế...; chương trình tin học theo chuẩn quốc tế: Không có.

\* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

- Chưa có học sinh tham gia các kỳ thi theo chuẩn quốc tế để đạt chuẩn đầu ra theo quy định: IELST, TOEFL, các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh, tin học quốc tế...; chương trình tin học theo chuẩn quốc tế.

2.8. Hoạt động Đoàn Đội, ngoại khóa

\* Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

- 100% kí cam kết ATGT, bạo lực học đường, phòng chống ma túy...;

- Tổ chức 01 buổi tuyên truyền ATGT và tác hại của ma túy học đường phối kết hợp với công an phường.

- Phối kết hợp trạm y tế phường tổ chức Hội nghị tuyên truyền chăm sóc sức khỏe vị thành niên, thanh niên.

\* Công tác từ thiện, nhân đạo

- Tặng quà cho HS khó khăn nhân dịp khai giảng (16 suất quà: 300.000đ/1 HS), Trung thu: nhà trường tặng 4 suất quà: 300.000đ/1 HS.

- HS nhận quà phụng dưỡng: 14 suất, 300.000đ/1 HS.

- Mua tấm tre ủng hộ Hội người mù: 3.340.000đ.

- Giao lưu văn nghệ người khuyết tật, ủng hộ với số tiền: 9.947.000đ.

- Ủng hộ đồng bào bão lũ lụt Tây Nguyên: 18.400.000đ.

\* Tham gia các cuộc thi:

- Tham gia giải Cờ vua nhanh phường Hưng Đạo: 2 HCV, 2 HCB.

- Tham gia thi cuộc thi trực tuyến “Em yêu biển đảo quê hương”

- Tham gia cuộc thi ATGT cho nụ cười ngày mai: 1 GV, 1 HS.

- Tham gia cuộc thi Vẽ tranh: “Đan Mạch trong mắt em”: 10 tranh

\* Tổ chức các hoạt động theo chủ điểm tháng:

Tháng 9: Tết Trng thu.

Tháng 10: Đại hội Liên đội.

Tháng 11: cuộc thi “Viết về thầy cô và mái trường”.

Tháng 12: Tổ chức CĐ Đội cấp phường: Em yêu biển đảo quê hương.

- Tổ chức HKPĐ: 16 giải nhất, 16 giải nhì, 16 giải ba.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 3.1. Kết quả đạt được.

- Thực hiện tốt công tác PCGD, XMC theo đúng văn bản hướng dẫn của các cấp. Huy động 100% HS hoàn thành chương trình Tiểu học vào học lớp 6 THCS, đạt chất lượng phổ cập giáo dục THCS.

- Triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với các khối lớp, bảo đảm thực hiện và hoàn thành chương trình theo KHGD nhà trường; củng cố và nâng

cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giải học sinh giỏi trong các Kỳ thi học sinh giỏi các cấp; Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học;

- Chủ động xây dựng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, linh hoạt áp dụng các hình thức tổ chức giáo dục, các phương pháp dạy học tiên tiến. Tiếp tục thực hiện đổi mới KTĐG học sinh.

- Bồi dưỡng đội ngũ GV và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường nền nếp, kỷ cương, chất lượng và hiệu quả giáo dục để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT; bảo đảm an toàn trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

- Tăng cường việc chuyển đổi số và ứng dụng CNTT, trí tuệ nhân tạo AI trong dạy và học; thực hiện hiệu quả công tác Chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo.

- Bảo đảm an toàn trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông trong GD&ĐT.

### **3.2. Hạn chế cần khắc phục.**

- Tiến độ vào điểm trên CSDL, đưa KHBD lên phần mềm.

- Số lượng bài giảng đưa lên kho học liệu số chưa nhiều.

- Khai thác chưa hiệu quả Thư viện điện tử, các phòng học bộ môn.

### **3.3. Đề xuất, kiến nghị.**

- Hệ thống Quản lý văn bản của nhà trường chưa liên thông với Sở GD-ĐT; số lượng văn bản nhà trường nhận hàng ngày nhiều, bao gồm cả các văn bản ở các lĩnh vực không liên quan.

- Công tác thống kê: nhiều nội dung bị trùng lặp; thời gian yêu cầu gấp.

#### ***Nơi nhận:***

- Sở GDĐT (b/c);
- Phòng VHXXH phường (b/c)
- BGH; Tổ CM;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Thanh Thảo**